

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

Số: 299/NĐBR-TCKT

V/v công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng
cổ đông thường niên năm 2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN
BÀ RỊA**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=+
MST:3500701305, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA,
S=Bà Rịa - Vũng Tàu, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2023-04-14 20:04:02
Foxit Reader Version: 10.0.0

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT.
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Trần Thị Bảo Xuân. Điện thoại: 0963 735 566
8. Nội dung của thông tin công bố:

- Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Đính kèm (Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023).

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023: www.btp.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban KS/BTP;
- P. KTAT/BTP (Đăng Website BTP);
- Lưu: VT, TCKT.

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Trần Thị Bảo Xuân



EVNTPC BA RIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ**

Kính gửi: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

1. Xác nhận tham dự Đại hội:

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKKD: Cấp ngày.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Số cổ phần sở hữu:

(Bằng chữ:cổ phần)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Ông/bà:

CMND/CCCD số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần

(Bằng chữ:)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

....., ngày tháng ... năm 2023

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/
CỔ ĐÔNG ĐĂNG KÝ THAM DỰ**

....., ngày tháng ... năm 2023

NGƯỜI ỦY QUYỀN

THÔNG BÁO
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thời gian: 8h00 ngày 18/4/2023.

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Lưu ý: Trường hợp có sự thay đổi lịch họp ĐHĐCĐ, thông tin về thời gian, địa điểm và phương thức tổ chức sẽ được Công ty thông báo, đăng tải trên website của Công ty, website của Sở Giao dịch Chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng. Những thông báo đó sẽ mặc nhiên thay cho Giấy mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (điều chỉnh). Kính đề nghị Quý Cổ đông chủ động, thường xuyên theo dõi, cập nhật.

3. Nội dung: họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

4. Chương trình và tài liệu phục vụ Đại hội: Nội dung chương trình họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại Website: <https://www.btp.com.vn/d6/vi-VN/news/Tai-lieu-Dai-hoi-dong-Co-dong-nam-2023-6-2050-1627>

5. Đối tượng dự họp: Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (mã BTP) do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập, tại ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2023.

6. Xác nhận tham dự Đại hội

- Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội theo mẫu kèm theo và gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội cùng các đề xuất về nội dung Chương trình Đại hội bằng văn bản (nếu có) trước 16h30 ngày 14/4/2023 về:

Ghi chú:

- Thông báo này thay cho giấy mời. Quý cổ đông đến dự Đại hội đem theo bản chính các giấy tờ trên.
- Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự Đại hội do cổ đông tự túc.
- Quý cổ đông về dự Đại hội có vấn đề gì chưa rõ xin liên hệ: Điện thoại: 0962.501.019 gặp Ông Triều

Bà Rịa, ngày 27 tháng 3 năm 2023

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP).
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN
THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

1. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu cổ phần vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 14/3/2023) được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.
2. Cổ đông có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng giấy ủy quyền theo quy định pháp luật hoặc mẫu Giấy ủy quyền của Công ty (BTP).
3. Giấy ủy quyền phải có chữ ký cổ đông ủy quyền và chữ ký của người được ủy quyền theo đúng quy định.
4. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2. Chủ tọa Đại hội có quyền cử một số người tham gia điều hành Đại hội.
3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì Đại hội.



4. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình và các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp. Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình Thông báo mời họp, Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

2. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác.

3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

a. Trước khi khai mạc Đại hội.

b. Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

4. Trường hợp người đến dự họp không có đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

1. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội như: Ghi chép Biên bản về diễn biến Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung của Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2. Trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

2. Tổ chức kiểm phiếu.

3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng quản trị ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 7. Nội quy tại Đại hội

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội phải ăn mặc lịch sự và ngồi đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp.

2. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

3. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này. Trường hợp vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.

CHƯƠNG III **THẺ LỆ BIỂU QUYẾT** **THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI**

Điều 8. Nguyên tắc

1. Nguyên tắc: Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và người đại diện theo ủy quyền.

2. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết

- Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát hành cho tất cả cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội. Phiếu biểu quyết được ghi họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông.

- Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội; Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị; thông qua Biên bản Đại hội; Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các Tờ trình/ Báo cáo sau:

1	Quy chế tổ chức tại ĐHĐCĐ thường niên 2023
2	Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023
3	Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch SXKD năm 2023
4	Trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 (đã được kiểm toán)
5	Trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

50070
ÔNG
Ồ PHÁ
ẾT Đ
Á RL
BÀ RIA

6	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022
7	Trình ĐHĐCĐ thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023
8	Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2023
9	Trình ĐHĐCĐ lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
10	Quy chế Bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên 2023
11	Trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT_BTP năm 2023

Điều 9. Cách thức biểu quyết

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết đề “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không ý kiến*” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Điều 8.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết cả 03 lần biểu quyết “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không ý kiến*” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không ý kiến*” một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền chọn một trong ba phương án “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không ý kiến*” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết thông qua của Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc của Người đại diện theo ủy quyền.

Điều 10. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ

Là phiếu theo mẫu sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông hoặc

người đại diện tham dự theo ủy quyền. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không ý kiến*” biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- + Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Chủ tọa Đại hội chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
- Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng



TỜ TRÌNH
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 13/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của CTCP Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Nghị quyết số 405/NQ-NĐBR ngày 14/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty họp Hội đồng quản trị Quý phiên họp thứ 2/2023;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành, Công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành. Trên cơ sở rà soát, Công ty nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các yêu cầu quản trị, điều hành tại Công ty. Cụ thể nội dung sửa đổi tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty theo phụ lục đính kèm.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Đính kèm:

- Dự thảo Điều lệ;
- Phụ lục sửa đổi Điều lệ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT/BTP;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC
Nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
(Đính kèm Tờ trình số ngày .../4/2023)

STT	Điều khoản	Nội dung DL hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do
1	Khoản 4 Điều 12	4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây: 	4. Số lượng Người đại diện mà tổ chức là cổ đông của BTP có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể uỷ quyền tối đa 04 Người đại diện.	Để phù hợp với tình hình thực tế trong quản trị, điều hành của BTP và quy định pháp luật hiện hành.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu chính kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%) so với KH
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	947.036	599.408	63,3
- SXKD điện	Tr. đồng	883.676	511.234	57,9
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	59.699	85.635	143,4
- SXKD khác	Tr. đồng	3.661	2.539	69,4
2. Tổng chi phí	Tr. đồng	861.147	521.121	60,5
- SXKD điện	Tr. đồng	848.076	512.838	60,5
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	9.832	6.301	64,1
- SXKD khác	Tr. đồng	3.238	1.983	61,2
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	85.890	78.286	91,1
- SXKD điện	Tr. đồng	35.600	-1.604	
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	49.867	79.334	159,1
- SXKD khác	Tr. đồng	423	556	131,5
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	68.712	70.744	103,0

- Hệ số bảo toàn vốn: 1. Công ty bảo toàn được nguồn vốn;
- Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS): 1.170 đồng/cổ phiếu;
- Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): 5,62%;
- Hệ số thanh toán hiện hành: 4,91 lần.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu: 599.408 triệu đồng, đạt 63,3% kế hoạch;
- Tổng chi phí: 521.121 triệu đồng, đạt 60,5% kế hoạch (chưa bao gồm chi phí lãi vay là 6.301 triệu đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: 78.286 triệu đồng, đạt 91,1% kế hoạch;
- Tổng lợi nhuận sau thuế là 70.744 triệu đồng đạt 103% so với kế hoạch;

1.1 Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năm 2022

- Doanh thu sản xuất điện là 511.234 triệu đồng, đạt 57,9 % so với kế hoạch;
- Chi phí là 512.838 triệu đồng đạt 60,5% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sản xuất điện (không bao gồm chi phí lãi vay): lỗ 1.604 tr.đồng;

1.2 Đối với hoạt động kinh doanh khác:

- Doanh thu sản xuất nước uống đóng bình năm 2022 là 740 triệu đồng, đạt 47,4% so với kế hoạch;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác là 879 triệu đồng, đạt 43,9% kế hoạch;
- Doanh thu bán phế liệu năm 2022 là 639 triệu đồng, đạt 639% kế hoạch.
- Thu nhập thanh lý TSCĐ, và thu nhập khác là 282 triệu đồng;
- Lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác là 556 triệu đồng, đạt 131,5% kế hoạch.

1.3 Đối với hoạt động tài chính

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng là 19.513 triệu đồng, đạt 114,7% kế hoạch;
- Doanh thu từ lãi đầu tư trái phiếu là 14.979 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư tài chính là 39.660 triệu đồng, đạt 153,4% kế hoạch;
- Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là 11.482 triệu đồng;

Tổng Lợi nhuận hoạt động tài chính là 79.334 triệu đồng, đạt 159,1% kế hoạch.

Chi tiết như sau:

DVT: triệu đồng

Diễn giải	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
Doanh thu HĐTC	59.699	85.635	143,4
Lãi tiền gửi	17.018	19.513	114,7
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu	16.830	14.979	89,0
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.851	39.660	153,4
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ		11.482	
<i>Tỷ giá đã thực hiện</i>		5.360	
<i>Tỷ giá chưa thực hiện</i>		6.122	
Chi phí	9.832	6.301	64,1
Lợi nhuận trước thuế	49.867	79.334	159,1

2. Đầu tư tài chính

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác của Công ty đến 31/12/2022 như sau:

S T T	Tên công ty con, công ty liên kết	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn Điều lệ	Vốn CSH của công ty con, công ty liên kết 2022- TKT	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty LK	Hệ số nợ/Vố n CSH của công ty con, công ty LK
I	Công ty liên kết										
1	Cty CP Thủy điện Buôn Đôn	83.750	25,0	655.403	921.780	400.769	153.664			1,99	0,65
	<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền mặt</i>							12.603	15,0%		
	<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cổ phiếu</i>							630.205	7,5%		
II	Đầu tư tài chính										
1	Cty CP Nhiệt điện Hải Phòng	108.730	2,0	5.000.000	6.317.553	10.566.591	546.793	8.000	7,4%	2,23	0,30
2	Cty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	114.771	2,3	4.500.000	6.162.392	10.452.730	764.136	16.557	14,4%	2,38	0,31
3	Công ty CP Phú Thạnh Mỹ	50.000	8,1	618.140	720.767	343.597	131.201	2.500	5,0%	2,63	0,91

Đầu tư tài chính, vốn góp vào Công ty liên kết, Công ty khác:

- Góp vốn vào Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh (2,3%): 114.771 triệu đồng
- Góp vốn vào Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng (2%): 108.730 triệu đồng
- Góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn (25%): 83.750 triệu đồng
- Góp vốn vào Công ty CP Phú Thạnh Mỹ (8,1%): 50.000 triệu đồng
- Số tiền đầu tư trái phiếu vào Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh còn lại đến ngày 31/12/2022 là: 66.000 triệu đồng.

Trong năm 2022, Công ty nhận cổ tức từ các Công ty đầu tư liên kết và các Công ty khác cụ thể:

- Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh: 16.557 triệu đồng.
- Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 8.000 triệu đồng.
- Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn:
 - + *Bằng tiền mặt: 12.603 triệu đồng*
 - + *Bằng cổ phiếu: 630.205 cổ phiếu.*
- Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ: 2.500 triệu đồng

II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Sản lượng điện sản xuất: 170 triệu kWh.
- Sản lượng điện sản xuất: 165,3 triệu kWh
- Tổng doanh thu: 569.012 triệu đồng
- Tổng chi phí: 516.732 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 52.280 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 47.332 triệu đồng
- Cổ tức: 6%.

2. Kế hoạch sửa chữa lớn và bảo dưỡng thiết bị

- Năm 2023, Công ty dự kiến thực hiện Đại tu hệ thống ACC 306-1 (sẽ thực hiện trong thời gian bảo dưỡng ST9 – 15 ngày). Hạng mục này chủ yếu thay thế 09 modul ngưng hơi, do nhà thầu thực hiện, giá trị kế hoạch là 33.267,95 triệu đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Còn lại các tổ máy chỉ thực hiện bảo dưỡng.

3. Công tác thị trường điện

- Năm 2023 Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ, gián tiếp tham gia thị trường điện, Công ty đảm bảo các tổ máy luôn sẵn sàng vận hành theo lệnh và yêu cầu của Đơn vị vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện.
- Công ty đã lập Phương án giá điện dài hạn trình Công ty Mua bán điện, và đề xuất tham gia trực tiếp trên thị trường điện trong thời gian sớm nhất.

4. Kế hoạch mua sắm - Đầu tư phát triển

Năm 2023, Công ty dự kiến sử dụng nguồn vốn khấu hao để mua sắm một số tài sản và đầu tư nguồn điện mới với số tiền khoảng 37,09 tỷ đồng, trong đó:

- Mua sắm tài sản phục vụ sản xuất điện: 35,12 tỷ đồng;
- Dự án nguồn điện mới: 1,97 tỷ đồng.

5. Giải pháp thực hiện

- Tiết kiệm năng lượng; Tiết kiệm chi phí;
- Đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, xử lý sự cố nhằm sớm đưa thiết bị vào vận hành, đồng thời phát huy tinh thần tiết kiệm triệt để trong công tác sửa chữa nhưng vẫn đảm bảo an toàn, đúng kỹ thuật;
- Đầu tư các dự án nguồn điện mới;
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra thiết bị nhằm phát hiện sớm hiện tượng hư hỏng ngăn chặn và hạn chế sự cố thiết bị máy móc;

- Số hóa các quy trình thuận tiện trong việc quản trị;
- Về mua sắm vật tư: Chặt chẽ trong công tác đấu thầu, tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ sửa chữa, sản xuất đảm bảo chất lượng, giá hợp lý. Tăng cường sử dụng vật tư thay thế trong nước;
- Về công tác nhân sự: Quản lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý nhằm tăng hiệu quả làm việc; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công tác kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động – PCCN phải được coi trọng và thực hiện thường xuyên: Giám sát chặt chẽ, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục nhằm đảm bảo an toàn lao động cao nhất, không để xảy ra tai nạn lao động. Phát động và thực hiện công tác thi đua khen thưởng với nội dung thi đua sâu sắc, thực tế. Thực hiện tốt phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty; tặng thưởng xứng đáng, kịp thời cho những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn, ứng dụng rộng rãi.
- Về công tác tài chính: Tăng cường kiểm soát dòng tiền, kiểm soát chi phí. Đẩy mạnh công tác thanh xử lý công nợ, vật tư thiết bị ứ đọng, kém phẩm chất, không cần dùng. Giảm thiểu vật tư thiết bị dự phòng và duy trì ở mức hợp lý;
- Lãnh đạo Công ty tiếp tục tìm kiếm thêm cơ hội để đầu tư và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn của Công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất.

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS/BTP (để b/c);
- Cổ đông/BTP
- Ban TGD/BTP;
- TCKT, HCLĐ, KHVT/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 6 cấp ngày 3 tháng 7 năm 2019.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Văn Huy	Thành viên
Ông Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên
Ông Hoàng Văn Phong	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Lê Minh	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2022)
Ông Lê Thế Sơn	Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2022)
Ông Châu Thanh Cần	Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Hòa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc
Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc
----------------	---------------

Trụ sở chính

Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương,
Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3435-2020-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12973
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		785.309.568.278	969.731.614.966
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	137.519.923.801	105.335.519.094
111	Tiền		2.019.923.801	2.335.519.094
112	Các khoản tương đương tiền		135.500.000.000	103.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		257.650.000.000	302.650.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	257.650.000.000	302.650.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		255.073.997.919	451.205.494.437
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	244.385.603.329	438.225.572.488
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	10.688.394.590	12.979.921.949
140	Hàng tồn kho		106.483.747.763	106.515.580.730
141	Hàng tồn kho	7	106.483.747.763	106.515.580.730
150	Tài sản ngắn hạn khác		28.581.898.795	4.025.020.705
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		406.540.147	568.908.701
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(b)	18.108.787.952	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	10.066.570.696	3.456.112.004
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		814.092.443.564	939.627.938.225
220	Tài sản cố định		324.619.282.440	267.904.078.431
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	321.665.205.048	265.734.484.172
222	Nguyên giá		2.761.167.140.438	2.657.695.026.434
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.439.501.935.390)	(2.391.960.542.262)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	2.954.077.392	2.169.594.259
228	Nguyên giá		7.530.694.664	6.885.232.036
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.576.617.272)	(4.715.637.777)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.319.291.433	62.761.592.524
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.319.291.433	62.761.592.524
250	Đầu tư tài chính dài hạn		415.250.927.800	541.250.927.800
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	83.750.000.000	83.750.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	273.500.927.800	273.500.927.800
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	58.000.000.000	184.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		70.902.941.891	67.711.339.470
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	14.600.739.869	10.336.386.541
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	56.302.202.022	57.374.952.929
270	TỔNG TÀI SẢN		1.599.402.011.842	1.909.359.553.191

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		356.419.893.057	634.081.645.337
310	Nợ ngắn hạn		159.805.614.560	380.054.897.948
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	79.030.855.975	294.381.811.882
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(a)	-	3.347.472.818
314	Phải trả người lao động	14	15.878.908.546	21.088.559.382
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	838.513.315	999.295.002
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	8.796.211.295	7.437.097.367
320	Vay ngắn hạn	17(a)	49.153.569.673	48.241.467.340
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	6.107.555.756	4.559.194.157
330	Nợ dài hạn		196.614.278.497	254.026.747.389
338	Vay dài hạn	17(b)	196.614.278.497	254.026.747.389
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.242.982.118.785	1.275.277.907.854
410	Vốn chủ sở hữu		1.242.982.118.785	1.275.277.907.854
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	604.856.000.000	604.856.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	7.560.228.689	7.560.228.689
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	244.006.663.735	222.692.880.912
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	19.793.897.715	19.972.706.991
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	366.765.328.646	420.196.091.262
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		296.021.058.439	292.978.370.508
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		70.744.270.207	127.217.720.754
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.599.402.011.842	1.909.359.553.191

Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp

Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng

Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2022 VND	2021 VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	513.491.554.756	1.212.906.923.062
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(480.715.391.500)	(1.145.617.566.937)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.776.163.256	67.289.356.125
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26	85.634.542.218	121.047.505.076
22	Chi phí tài chính	27	(6.300.576.749)	(2.049.809.777)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	27	(6.300.576.749)	(8.273.949.590)
25	Chi phí bán hàng		(23.158.209)	(16.963.362)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(33.955.487.751)	(37.127.400.606)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.131.482.765	149.142.687.456
31	Thu nhập khác		281.720.044	185.008.728
32	Chi phí khác		(126.806.621)	(1.960)
40	Lợi nhuận khác		154.913.423	185.006.768
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		78.286.396.188	149.327.694.224
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	(7.542.125.981)	(22.109.973.470)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		70.744.270.207	127.217.720.754
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.170	1.903
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	1.170	1.903

Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp

Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng

Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

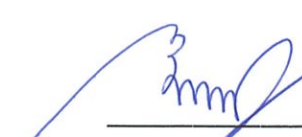


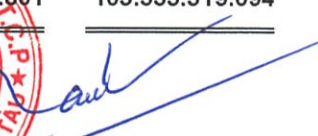
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.286.396.188	149.327.694.224
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	48.747.415.246	41.572.554.613
03	Hoàn nhập dự phòng	-	(6.224.139.813)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6.122.330.737)	(33.285.487.931)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(74.193.715.110)	(82.000.908.405)
06	Chi phí lãi vay	6.300.576.749	8.273.949.590
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	53.018.342.336	77.663.662.278
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	167.634.180.461	(343.439.704.546)
10	Giảm hàng tồn kho	1.104.583.874	8.335.806.712
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(180.873.292.963)	195.134.544.829
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(4.101.984.774)	5.314.900.942
14	Tiền lãi vay đã trả	(6.461.358.436)	(8.524.348.184)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp	(18.170.627.515)	(19.315.116.083)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	22.950.000	45.759.600
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(10.786.247.677)	(13.939.903.052)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.386.545.306	(98.724.397.504)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(77.367.786.800)	(55.006.855.001)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	41.666.667	36.363.636
23	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng và mua trái phiếu của đơn vị khác	(295.000.000.000)	(320.000.000.000)
24	Tiền thu lại tiền tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng, trái phiếu	466.000.000.000	408.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu và cổ tức được chia	77.930.117.856	91.363.022.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	171.603.997.723	124.392.531.154
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	119.500.000.000	139.803.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(169.878.035.822)	(195.728.617.146)
36	Cổ tức trả cho cổ đông	(90.428.102.500)	(66.307.658.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(140.806.138.322)	(122.233.275.446)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	32.184.404.707	(96.565.141.796)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 105.335.519.094	201.900.660.890
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 137.519.923.801	105.335.519.094


Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp


Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng


Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 6 ngày 3 tháng 7 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2009 với mã giao dịch cổ phiếu là “BTP”.

Chi tiết về các cổ đông của Công ty và tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Ngoài ra, Công ty có hoạt động cung cấp dịch vụ thí nghiệm sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị và sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b). Chi tiết như sau:

	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện.	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 241 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 260 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc đối với hàng tồn kho mới mua hoặc giá trị đánh giá lại đối với hàng tồn kho thu hồi và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và tổ chức tài chính có kỳ hạn, trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết là tất cả các Công ty trong đó được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 14 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Khác	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 21 tháng 2 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.13 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của niên độ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí và các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với:

- ảnh hưởng sau thuế của lãi vay và các chi phí tài chính khác liên quan đến các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, và
- số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành nếu tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển đổi.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	547.654.429	260.305.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.472.269.372	2.075.213.262
Các khoản tương đương tiền (*)	135.500.000.000	103.000.000.000
	<u>137.519.923.801</u>	<u>105.335.519.094</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 6,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2% đến 3%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	249.650.000.000	249.650.000.000	294.650.000.000	294.650.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>257.650.000.000</u>	<u>257.650.000.000</u>	<u>302.650.000.000</u>	<u>302.650.000.000</u>
ii. Dài hạn				
Trái phiếu (**)	58.000.000.000	58.000.000.000	184.000.000.000	184.000.000.000

(*) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 12 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 8,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 4,8% đến 6,4%/năm).

(**) Các số dư này phản ánh giá trị đầu tư trái phiếu đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh căn cứ theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Hợp đồng số 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng, các khoản trái phiếu này có thời hạn đáo hạn là 84 tháng kể từ ngày phát hành, hưởng lãi suất từ 8,5% đến 10,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 9,1% đến 10,5%/năm). Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng các tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.

Trong năm 2022, dưới sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị của Công ty, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh đã hoàn tất mua lại trước hạn một số trái phiếu với giá trị là 126 tỷ Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty có 4.650.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.650.000.000 Đồng) đang được cầm cố với mục đích là bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	2022			2021		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
i. Đầu tư vào công ty liên kết							
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (**)	25	83.750.000.000	269.757.380.053	-	83.750.000.000	264.213.697.800	-
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (**)	2	108.730.000.000	129.100.000.000	-	108.730.000.000	187.866.666.667	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	2,3	114.770.927.800	133.734.879.263	-	114.770.927.800	180.336.845.187	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
		273.500.927.800		-	273.500.927.800		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm được công bố trên sàn giao dịch của những công ty đại chúng chưa niêm yết ("Upcom").

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	634.581.101	43.388.000
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	243.751.022.228	438.182.184.488
	<u>244.385.603.329</u>	<u>438.225.572.488</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư của khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.548.372.601	11.134.400.004
Bảo hiểm xã hội được hoàn năm 2021	1.443.137.554	-
Lãi dự thu trái phiếu (Thuyết minh 32(b))	652.224.657	1.844.266.667
Khác	44.659.778	1.255.278
	<u>10.688.394.590</u>	<u>12.979.921.949</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhiên liệu và vật tư	106.353.479.619	-	106.425.574.248	-
Công cụ, dụng cụ	73.433.261	-	72.045.272	-
Thành phẩm	56.834.883	-	17.961.210	-
	<u>106.483.747.763</u>	<u>-</u>	<u>106.515.580.730</u>	<u>-</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2022 VND	2021 VND
Công cụ, dụng cụ	923.216.776	10.270.998.122
Khác	13.677.523.093	65.388.419
	<u>14.600.739.869</u>	<u>10.336.386.541</u>

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.336.386.541	15.602.866.480
Tăng	11.907.318.936	744.201.255
Phân bổ trong năm	(7.642.965.608)	(6.010.681.194)
Số dư cuối năm	<u>14.600.739.869</u>	<u>10.336.386.541</u>

9 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là TSCĐ và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	99.295.749.307	2.478.917.340.409	33.422.418.637	45.199.363.291	860.154.790	2.657.695.026.434
Mua trong năm	-	38.671.899.827	-	55.018.519	-	38.726.918.346
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 11)	-	65.712.000.000	-	-	90.000.000	65.802.000.000
Điều chỉnh khác	-	(468.290.000)	-	-	-	(468.290.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(100.749.734)	(403.837.048)	(83.927.560)	-	(588.514.342)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	99.295.749.307	2.582.732.200.502	33.018.581.589	45.170.454.250	950.154.790	2.761.167.140.438
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	78.427.563.131	2.238.429.351.821	30.637.580.522	43.605.891.998	860.154.790	2.391.960.542.262
Khấu hao trong năm	3.166.077.578	43.538.170.734	628.322.820	784.086.338	13.250.000	48.129.907.470
Thanh lý, nhượng bán	-	(100.749.734)	(403.837.048)	(83.927.560)	-	(588.514.342)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	81.593.640.709	2.281.866.772.821	30.862.066.294	44.306.050.776	873.404.790	2.439.501.935.390
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	20.868.186.176	240.487.988.588	2.784.838.115	1.593.471.293	-	265.734.484.172
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.702.108.598	300.865.427.681	2.156.515.295	864.403.474	76.750.000	321.665.205.048

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.189.006.711.029 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.178.702.998.978 Đồng).

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.011.117.583	3.874.114.453	6.885.232.036
Mua trong năm	-	1.401.990.909	1.401.990.909
Thanh lý	-	(756.528.281)	(756.528.281)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.011.117.583	4.519.577.081	7.530.694.664
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.011.117.583	1.704.520.194	4.715.637.777
Khấu hao trong năm	-	617.507.776	617.507.776
Thanh lý	-	(756.528.281)	(756.528.281)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.011.117.583	1.565.499.689	4.576.617.272
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	2.169.594.259	2.169.594.259
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	2.954.077.392	2.954.077.392

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.508.952.284 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.830.701.219 Đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án Nhà máy Điện gió Buôn Hồ	1.989.959.183	1.947.341.183
Dự án Điện gió Tiến Thành	1.329.332.250	1.329.332.250
Hệ thống điều khiển tuabin khí và kích từ	-	59.484.919.091
	<u>3.319.291.433</u>	<u>62.761.592.524</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	62.761.592.524	3.281.773.433
Tăng trong kỳ/năm	6.389.698.909	59.484.919.091
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(65.802.000.000)	-
Khác	(30.000.000)	(5.100.000)
Số dư cuối năm	<u>3.319.291.433</u>	<u>62.761.592.524</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2022 VND Giá trị/Số có khả năng trả nợ	31.12.2021 VND Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Bên thứ ba		
Chi nhánh Kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	61.183.534.158	242.272.159.854
Công ty CP Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	13.359.600.000	8.825.080.000
Công ty TNHH Xuân Thiên	-	32.716.705.500
Khác	3.522.309.779	9.499.359.179
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	965.412.038	1.068.507.349
	<u>79.030.855.975</u>	<u>294.381.811.882</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cần trừ/ Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
a) Phải nộp					
Thuế GTGT	437.715.991	42.009.742.926	(437.721.745)	(42.009.737.172)	-
Thuế TNDN	2.909.756.827	7.542.125.981	(18.170.627.515)	7.718.744.707	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.581.027.231	(472.741.216)	(1.108.286.015)	-
Thuê đất	-	3.994.862.599	(3.994.862.599)	-	-
Thuế khác	-	174.854.544	(174.854.544)	-	-
	<u>3.347.472.818</u>	<u>55.302.613.281</u>	<u>(23.250.807.619)</u>	<u>(35.399.278.480)</u>	<u>-</u>
b) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	-	60.118.525.124	-	(42.009.737.172)	18.108.787.952
Thuế TNDN	-	-	-	7.718.744.707	7.718.744.707
Thuế thu nhập cá nhân	3.456.112.004	-	-	(1.108.286.015)	2.347.825.989
	<u>3.456.112.004</u>	<u>60.118.525.124</u>	<u>-</u>	<u>(35.399.278.480)</u>	<u>28.175.358.648</u>

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động phản ánh nghĩa vụ chi trả lương, thưởng đối với người lao động tại thời điểm cuối năm căn cứ theo quyết toán quỹ tiền lương.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Lãi vay phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	688.149.974	846.351.001
Lãi vay phải trả cho các cổ đông khác (Thuyết minh 32(b))	150.363.341	152.944.001
	<u>838.513.315</u>	<u>999.295.002</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 18 và 32(b))	6.140.233.900	5.839.936.400
Bảo hiểm xã hội phải trả cho người lao động năm 2021	1.283.722.643	-
Phải trả nhân viên sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân	1.124.387.989	443.445.083
Nhận ký quỹ, ký cược	106.634.058	286.201.066
Khác	141.232.705	867.514.818
	<u>8.796.211.295</u>	<u>7.437.097.367</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

17 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Giải ngân VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng	-	119.500.000.000	-	(119.500.000.000)	-	-
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 32(b)) (*)	48.241.467.340	-	51.902.371.229	(50.378.035.822)	(612.233.074)	49.153.569.673
	<u>48.241.467.340</u>	<u>119.500.000.000</u>	<u>51.902.371.229</u>	<u>(169.878.035.822)</u>	<u>(612.233.074)</u>	<u>49.153.569.673</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Giải ngân VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay bên liên quan (Thuyết minh 32(b)) (*)	<u>254.026.747.389</u>	<u>-</u>	<u>(51.902.371.229)</u>	<u>-</u>	<u>(5.510.097.663)</u>	<u>196.614.278.497</u>

(*) Vay dài hạn phản ánh số dư của khoản vay bằng Won đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Hợp đồng Cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1 tháng 9 năm 2015, kế thừa từ Hợp đồng Vốn ODA số 21/TNDN ngày 20 tháng 12 năm 2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu) và Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty) với tổng hạn mức là 49.987.210.130 Won. Khoản vay này có nguồn gốc từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án đuôi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa. Khoản vay lại này có thời hạn vay là 13 năm với lãi suất là 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tương đương 12.494.552.525 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 10 kỳ nửa năm với số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại 1.249.455.253,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

18 CỔ TÚC

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	5.839.936.400	5.613.434.700
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21, 32(a))	90.728.400.000	66.534.160.000
Cổ tức đã chi trả	(90.428.102.500)	(66.307.658.300)
Số dư cuối năm	<u>6.140.233.900</u>	<u>5.839.936.400</u>

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.559.194.157	9.844.439.442
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	12.132.850.000	8.608.898.167
Phân loại lại (Thuyết minh 21)	178.809.276	-
Tăng khác trong năm	22.950.000	45.759.600
Sử dụng trong năm	(10.786.247.677)	(13.939.903.052)
Số dư cuối năm	<u>6.107.555.756</u>	<u>4.559.194.157</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	<u>60.485.600</u>	<u>60.485.600</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>60.485.600</u>	<u>100,00</u>	<u>60.485.600</u>	<u>100,00</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**Mẫu số B 09 – DN****20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021, ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>60.485.600</u>	<u>604.856.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	604.856.000.000	7.560.228.689	19.972.706.991	373.600.957.099	217.213.352.488	1.223.203.245.267
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	127.217.720.754	-	127.217.720.754
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(66.534.160.000)	-	(66.534.160.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(8.506.500.000)	-	(8.506.500.000)
Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành (Thuyết minh 19)	-	-	-	(102.398.167)	-	(102.398.167)
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	(5.479.528.424)	5.479.528.424	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	604.856.000.000	7.560.228.689	19.972.706.991	420.196.091.262	222.692.880.912	1.275.277.907.854
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	70.744.270.207	-	70.744.270.207
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(90.728.400.000)	-	(90.728.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)(*)	-	-	-	(12.132.850.000)	-	(12.132.850.000)
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	(21.313.782.823)	21.313.782.823	-
Phân loại lại (Thuyết minh 19)	-	-	(178.809.276)	-	-	(178.809.276)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	604.856.000.000	7.560.228.689	19.793.897.715	366.765.328.646	244.006.663.735	1.242.982.118.785

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 1 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Công ty tiến hành trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 12.132.850.000 Đồng (trong đó cho nhân viên là 11.659.750.000 Đồng và cho Ban điều hành là 473.100.000 Đồng), quỹ đầu tư phát triển là và 21.313.782.823 Đồng và chia cổ tức cho cổ đông là 90.728.400.000 Đồng từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2021 và các năm trước đây.

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	70.744.270.207	127.217.720.754
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(12.132.850.000)
	<u>70.744.270.207</u>	<u>115.084.870.754</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.170</u>	<u>1.903</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 đã được tính lại theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	127.217.720.754	-	127.217.720.754
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành (VND)	-	(12.132.850.000)	(12.132.850.000)
	<u>127.217.720.754</u>	<u>(12.132.850.000)</u>	<u>115.084.870.754</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	60.485.600	-	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.103</u>	<u>(200)</u>	<u>1.903</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

23 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Cam kết thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 33.

24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về bán điện	511.234.025.447	1.211.290.302.577
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.517.939.351	749.582.965
Doanh thu thuần về bán nước uống đóng chai	739.589.958	867.037.520
	<u>513.491.554.756</u>	<u>1.212.906.923.062</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn điện bán	478.882.366.965	1.144.427.876.406
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.044.777.421	492.847.329
Giá vốn nước uống đóng chai đã bán	788.247.114	696.843.202
	<u>480.715.391.500</u>	<u>1.145.617.566.937</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập từ cổ tức được chia (Thuyết minh 32(a))	39.660.425.909	39.600.774.500
Lãi tiền gửi	19.512.779.612	23.024.299.946
Lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 32(a))	14.978.842.922	19.339.470.323
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	6.122.330.737	33.285.487.931
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.360.163.038	5.797.472.376
	<u>85.634.542.218</u>	<u>121.047.505.076</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi vay	6.300.576.749	8.273.949.590
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(6.224.139.813)
	<u>6.300.576.749</u>	<u>2.049.809.777</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	15.496.633.118	19.333.459.342
Thuế, phí và lệ phí	4.386.621.544	1.384.492.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.136.865.959	4.258.644.957
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.245.668.951	2.151.735.346
Chi phí khác	11.689.698.179	9.999.068.194
	<u>33.955.487.751</u>	<u>37.127.400.606</u>

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.286.396.188	149.327.694.224
Thuế tính ở thuế suất 20%	15.657.279.238	29.865.538.845
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(7.932.085.182)	(7.920.154.900)
Chi phí không được khấu trừ	110.410.124	164.589.525
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(554.348.887)	-
Dự phòng thiếu của các năm trước đây	260.870.688	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>7.542.125.981</u>	<u>22.109.973.470</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:		
Thuế TNDN - hiện hành	7.542.125.981	22.109.973.470
	<u>7.542.125.981</u>	<u>22.109.973.470</u>

29 THUẾ TNDN (tiếp theo)

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.775.969.163	1.011.500.752.478
Chi phí nhân viên	60.059.924.978	67.511.471.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.747.415.246	41.572.554.613
Chi phí sửa chữa lớn	28.773.227.273	28.603.363.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.375.678.284	14.283.218.502
Chi phí khác	19.709.402.424	18.843.830.029
	<u>514.441.617.368</u>	<u>1.182.315.190.962</u>

31 THUYẾT MINH GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Mua tài sản, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	<u>13.471.990.909</u>	<u>44.321.169.545</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do sở hữu 79,56% vốn điều lệ của Công ty.

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”)	Công ty mẹ cấp cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Mua Bán Điện - EVN	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Bên liên quan khác

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2022 VND	2021 VND
i) Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện - EVN	511.234.025.447	1.211.290.302.577
ii) Mua hàng		
EVN	11.426.949.126	11.758.599.829
iii) Hoạt động tài chính		
EVN		
Chi phí lãi vay	6.300.576.749	7.987.282.642
Trả nợ gốc vay	50.378.035.822	50.128.144.770
Lãi vay đã trả	6.298.164.077	8.237.073.736
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Thu hồi từ trái phiếu	126.000.000.000	8.000.000.000
Lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 26)	14.978.842.922	19.339.470.323

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022 VND	2021 VND
iv) Chia cổ tức (Thuyết minh 18)			
Tổng Công ty Phát điện 3 -			
Công ty Cổ phần	72.185.335.500	52.935.912.700	
Cổ đông khác	18.543.064.500	13.598.247.300	
	<u>90.728.400.000</u>	<u>66.534.160.000</u>	
v) Thu nhập từ cổ tức được chia (Thuyết minh 26)			
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	8.000.000.000	21.750.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	12.603.102.709	7.502.447.500	
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	2.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	16.557.323.200	10.348.327.000	
	<u>39.660.425.909</u>	<u>39.600.774.500</u>	
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")			
Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	554.200.000	376.282.667
Phan Thanh Xuân	Chủ tịch không chuyên trách	-	197.084.333
Châu Thanh Cần	Thành viên	35.835.000	132.408.000
Hoàng Văn Phong	Thành viên	50.169.000	-
Lê Thế Sơn	Thành viên	35.835.000	132.480.000
Trần Lê Minh	Thành viên	50.169.000	-
Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên	86.004.000	66.240.000
Ban Tổng Giám đốc			
Lê Văn Huy	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	533.157.000	801.437.000
Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc	197.951.000	712.421.000
Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	472.724.000	709.805.000
Khác			
Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng	435.332.000	652.205.000
Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban kiểm soát	494.158.000	741.776.000
Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban kiểm soát	78.516.000	22.080.000
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát	32.715.000	132.480.000
Võ Thị Thu Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	45.801.000	-
Đinh Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	110.400.000
		<u>3.102.566.000</u>	<u>4.787.099.000</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua Bán Điện - EVN	243.751.022.228	438.182.184.488
ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình	66.000.000.000	192.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	20.000.000.000	20.000.000.000
	86.000.000.000	212.000.000.000
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình	652.224.657	1.844.266.667
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
EVN	965.412.038	918.536.099
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	-	149.971.250
	965.412.038	1.068.507.349

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2022 VND	2021 VND
v) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
EVN	688.149.974	846.351.001
Cổ đông khác	150.363.341	152.944.001
	<u>838.513.315</u>	<u>999.295.002</u>
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Cổ đông khác	<u>6.140.233.900</u>	<u>5.839.936.400</u>
vii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))		
EVN	<u>49.153.569.673</u>	<u>48.241.467.340</u>
viii) Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
EVN	<u>196.614.278.497</u>	<u>254.026.747.389</u>

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	3.994.862.599	3.994.862.599
Từ 1 đến 5 năm	15.979.450.396	15.979.450.396
Trên 5 năm	109.360.731.751	115.185.204.938
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>129.335.044.746</u>	<u>135.159.517.933</u>

34 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

35 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 13 tháng 3 năm 2023.



Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp



Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc



Số: 398/TTr-NĐBR

Bà Rịa, ngày 14 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022
của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận thực hiện 2022	78.286.396.188
2	Thuế TNDN phải nộp	7.542.125.981
3	Thuế TNDN hoãn lại	
4	Lợi nhuận sau thuế	70.744.270.207
5	Phân phối lợi nhuận	83.789.910.500
5.1	Cổ tức 12% (Trong đó: 10% từ LN năm 2022, 2% LN các năm trước)	72.582.720.000
5.2	Trích quỹ đầu tư phát triển	-
5.3	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	305.020.500
5.4	Trích quỹ khen thưởng & phúc lợi	10.902.170.000
	Trong đó:	
	- Quỹ khen thưởng (30%)	3.270.651.000
	- Quỹ phúc lợi (70%)	7.631.519.000
6	Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm	604.856.000.000

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban TGĐ/BTP;
- Ban KS/BTP;
- Lưu: VT, TK, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO
Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2022
và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH20 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2023 về tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

1. Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó 03 thành viên là đại diện của Tổng Công ty Phát điện 3, 01 thành viên là đại diện của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và 01 thành viên độc lập.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và phát hành 34 phiếu lấy ý kiến, ban hành 36 Nghị quyết và ra 73 Quyết định để giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền. HĐQT đã định hướng, chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Các phiên họp được tổ chức định kỳ hàng quý, các Nghị quyết, quyết định được ban hành theo hình thức biểu quyết tại phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo phân cấp.

HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

Đã phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên HĐQT, tách bạch giữa quản lý của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc với nguyên tắc không can thiệp sâu vào công việc điều hành.

HĐQT đã giám sát, chỉ đạo linh hoạt các hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể hóa triển khai các công việc theo nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cho cổ đông.

2. Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ

2.1. Công tác sản xuất kinh doanh:

BTP là đơn vị cung cấp dịch vụ, phụ trợ cho hệ thống nên công tác sản xuất điện phụ thuộc vào hệ thống. Năm 2022, các tổ máy ít được huy động nên sản

lượng điện sản xuất thấp hơn so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Cụ thể kết quả SXKD năm 2022 như sau:

- Sản lượng điện sản xuất là 168,58 triệu kWh đạt 39,67% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu là 599,41 tỷ đồng đạt 63,3% so với kế hoạch.
- Tổng chi phí là 521,12 tỷ đồng đạt 60,50% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 78,29 tỷ đồng đạt 91,10% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế là 70,74 tỷ đồng đạt 103,00% so với kế hoạch.
- Cổ tức dự kiến: 12%, trong đó 10% từ lợi nhuận năm 2022 và 2% từ lợi nhuận của các năm trước.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	(%) so với KH
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	947.036	599.408	63,3
- SXKD điện	Tr. đồng	883.676	511.234	57,9
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	59.699	85.635	143,4
- SXKD khác	Tr. đồng	3.661	2.539	69,4
2. Tổng chi phí	Tr. đồng	861.147	521.121	60,5
- SXKD điện	Tr. đồng	848.076	512.838	60,5
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	9.832	6.301	64,1
- SXKD khác	Tr. đồng	3.238	1.983	61,2
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	85.890	78.286	91,1
- SXKD điện	Tr. đồng	35.600	-1.604	
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	49.867	79.334	159,1
- SXKD khác	Tr. đồng	423	556	131,5
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	68.712	70.744	103,0

2.2. Công tác sửa chữa:

Trong năm 2022, Chỉ đạo thực hiện 01 công trình sửa chữa lớn, sửa chữa một phần dàn ACC 306-1 (thay thế 05 mô đun bình ngưng và 04 mô đun hoàn lưu), đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, với chi phí thực hiện bằng 97,61% giá trị dự toán được duyệt (dự toán 29,48 tỷ đồng, thực hiện 28,77 tỷ đồng).

2.3. Công tác đầu tư xây dựng:

Tiếp tục theo dõi 3 dự án đang triển khai là: Dự án Nhà máy điện gió Tiến Thành 3; Dự án Nhà máy điện gió Bà Rịa – Buôn Hồ; Dự án Nhà máy Nhiệt điện khí Bà Rịa II (Nhà máy điện Bà Rịa mở rộng), hiện tất cả các dự án đang trong thời gian chờ thủ tục pháp lý để thực hiện các bước tiếp theo.

Bên cạnh đó, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tìm hiểu, nghiên cứu thêm một số dự án với mục đích đầu tư vốn để sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn như tìm hiểu Dự án Nhà máy Thủy điện Tân Thượng tại tỉnh Lâm Đồng và nghiên cứu thay thế hai tổ máy GT1 và GT2 của Công ty bằng một tổ máy khác hiệu quả hơn.

2.4. Công tác đấu thầu mua sắm:

Tất cả các gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD được tổ chức thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu với giá cả cạnh tranh, công bằng và minh bạch.

2.5. Công tác đầu tư tài chính:

* Các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty sản xuất điện đến thời điểm 31/12/2022:

- + Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 108,73 tỷ đồng;
- + Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh: 114,77 tỷ đồng;
- + Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 83,75 tỷ đồng;
- + Công ty CP Phú Thạnh Mỹ: 50 tỷ đồng.

Tình hình sản xuất kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư trong năm 2022 đều có lãi. Cổ tức nhận được năm 2022 là 39.660 triệu đồng tiền mặt và 630.205 cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Công ty Thường xuyên phân tích đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư. Duy trì việc đầu tư tại các Công ty kinh doanh có hiệu quả.

* Đầu tư trái phiếu tại Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình (VSH) là 192 tỷ đồng.

Trong năm 2022, được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng lại và Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình (VSH) đã mua lại trước hạn một số trái phiếu với giá trị là 126 tỷ đồng (trong đó 118 tỷ đồng VSH mua lại trước hạn và 8 tỷ đồng mua lại đúng hạn trong hợp đồng). Tính đến ngày 31/12/2022 Công ty còn đầu tư 66 tỷ và dự kiến VSH mua lại trước hạn 66 tỷ đồng còn lại vào năm 2023.

2.6. Công tác chuyển đổi số giai đoạn 2020-2025:

Công ty đã triển khai thực hiện, bám sát tiến độ chủ đề chuyển đổi số do Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Phát điện 3 giao.

2.7. Công tác ATVSLĐ, bảo vệ môi trường, PCCC và PCTT&TKCN:

Công ty thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật, của Tập đoàn và của Tổng Công ty về công tác ATVSLĐ, về bảo vệ môi trường, PCCC và PCTT&TKCN. Trong năm không để xảy ra sự cố về lao động, không để xảy ra sự cố về môi trường và làm tốt công tác PCCC và PCTT&TKCN.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nghĩa vụ của HĐQT trong điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT. Thông tin HĐQT đến Ban Tổng Giám đốc và ngược lại đều nhanh chóng, thuận tiện, thời gian xử lý đảm bảo; Công ty hoạt động ổn định, hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực sáng tạo trong công việc, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động SXKD của Công ty hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Trong quá trình hoạt động SXKD, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động SXKD, tài chính và các mặt hoạt động khác để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Số người	Mức chi người/tháng	Tổng tiền/năm	Ghi chú
1	Tiền lương				
	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	46,183	554,200	Gồm ATĐ
	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		44,430	533,157	Gồm ATĐ
2	Thù lao				
	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	7,167	258,012	
3	Chi phí				
3.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	1,5	18,0	
3.2.	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	0,5	18,0	

6. Đánh giá chung

HĐQT đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và các quy định của pháp luật; HĐQT đã cùng Ban Tổng Giám đốc chủ động nghiên cứu và triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty cũng như cho cổ đông.

II. Mục tiêu và nhiệm vụ của HĐQT năm 2023

1. Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm

- Phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ quản trị, điều hành Công ty và các chỉ tiêu kinh tế, tài chính được ĐHĐCĐ giao.

- Đảm bảo vận hành các tổ máy vận hành an toàn - kinh tế.

- Xây dựng và hoàn thiện đề án tham gia thị trường điện.
- Xem xét, đánh giá lại tính khả thi và hiệu quả của các dự án đang triển khai đang dở và có kế hoạch cụ thể cho từng dự án.
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.
- Phát huy thế mạnh về công tác dịch vụ, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài ngành nhằm giới thiệu năng lực và quảng bá thương hiệu của Công ty để mở rộng dịch vụ gia công, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, mặt khác tiếp tục khắc phục các thiếu sót nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng cao uy tín của Công ty và tăng lợi nhuận cho Công ty, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người lao động.

2. Công tác quản trị Công ty

- Thực hiện hoạt động và quản trị điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, các văn bản quy định pháp quy của Công ty. Đảm bảo thực hiện các hoạt động SXKD theo đúng kế hoạch đề ra, tối ưu chi phí, nâng cao lợi nhuận.
- Thực hiện các hoạt động tài chính - kế toán theo đúng quy định, kịp thời thu hồi các khoản doanh thu, công nợ đến hạn, đảm bảo dòng tiền, nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD theo kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty và hệ thống văn bản pháp quy phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Đảm bảo đội ngũ nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn để luôn sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ và đẩy mạnh phát triển hoạt động SXKD của Công ty. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhằm động viên người lao động tăng năng suất lao động, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả trong công việc.

3. Về hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng

- Thực hiện tốt công tác bảo trì định kỳ, kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược, sửa chữa thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng, giảm thiểu tối đa dừng máy do sự cố.
- Phối hợp và thực hiện tốt công tác an toàn, phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ theo quy định hiện hành để đảm bảo an toàn cho nhà máy.
- Đảm bảo đội ngũ lao động chuyên môn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Phân đầu hoàn thành sớm công tác đàm phán giá điện hàng năm.

4. Về đầu tư tài chính và đầu tư xây dựng

- Đầu tư tài chính:

Đối với các khoản tiền gửi: Tăng cường quản lý tốt dòng tiền tăng hiệu quả đầu tư tài chính Công ty;

Trái phiếu đầu tư: Tính đến ngày 31/12/2022 Công ty còn đầu tư 66 tỷ đồng trái phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Công ty tiếp tục đầu tư trái phiếu Vĩnh Sơn như hợp đồng đã ký kết. Trong trường hợp cần vốn đầu tư dự án, nâng cấp trang thiết bị... Công ty sẽ nghiên bán lại trái phiếu để thu lại khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty sản xuất điện: Công ty sẽ thường xuyên phân tích đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư. Duy trì việc đầu tư tại các Công ty kinh doanh có hiệu quả, nghiên cứu thoái vốn vào thời điểm thích hợp đối với các Công ty sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Trong trường hợp có giấy phép đầu tư nguồn điện mới, Công ty sẽ nghiên cứu thoái vốn đầu tư tại các Công ty để tập trung đầu tư dự án điện mới.

- Đầu tư xây dựng:

Tiếp tục theo dõi thông tin về các dự án đã và đang triển khai, đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu thêm các dự án mới.

Trên đây là đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị năm 2022, và mục tiêu, nhiệm vụ của HĐQT năm 2023, HĐQT Công ty kính báo cáo đến Đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng Công ty Phát điện 3, cảm ơn toàn thể các cổ đông của Công ty đã tín nhiệm và ủng hộ Hội đồng quản trị trong thời gian qua. Nhân đây tôi cũng xin chân thành cảm ơn toàn thể CBCNV Công ty đã khắc phục mọi khó khăn góp phần xây dựng Công ty ngày một phát triển.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT/BTP;
- TCKT, HCLĐ, KHVT/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

TỜ TRÌNH

**Về việc tiền lương, thù lao, của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) kính trình Đại hội đồng cổ đông BTP xem xét, thông qua tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

1. Kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, của HĐQT, BKS năm 2022

Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 theo Báo cáo tài chính của BTP thì tổng quỹ tiền lương, thù lao, của HĐQT, BKS là 1.996,559 triệu đồng;

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, của HĐQT, BKS năm 2023

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 thì tổng quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 là: 2.007,122 triệu đồng.

Cụ thể như sau:

TT	Người quản lý	Thực hiện năm 2022 (Tr.đồng/tháng)		Kế hoạch năm 2023 (Tr.đồng/tháng)	
		Tiền lương	Thù lao	Tiền lương	Thù lao
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	46,183		40,601	
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	44,430		39,170	
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	0		34,612	
4	Trưởng BKS chuyên trách	41,180		36,218	
5	Thành viên HĐQT không chuyên trách		7,167		6,210
6	Thành viên BKS không chuyên trách		6,543		5,670

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng BKS/BTP;
- HĐQT/BTP;
- Thư ký/BTP;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Căn cứ kế hoạch 52/KH-NĐBR ngày 17 tháng 01 năm 2023 về kế hoạch hoạt động và kiểm soát năm 2023.

Ban Kiểm soát Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS); kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

PHẦN 1

KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2022

I. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022:

1. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

Cơ cấu BKS gồm có 3 thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, BKS tự đánh giá kết quả hoạt động năm 2022 như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động, đồng thời kiến nghị Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) trong việc quản trị và điều hành để hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ, các quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hoàn thành tốt việc thẩm định BCTC 6 tháng, năm 2022 đã được kiểm toán.

Đã tổ chức 3 (ba) đợt kiểm soát hoạt động SXKD của Công ty theo kế hoạch vào các tháng 01/2022; 3/2022 và 8/2022. Trong các phiên họp và hoạt động của BKS, các thành viên đều tham gia đầy đủ, làm việc tích cực, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS. Nội dung kiểm soát:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ.

+ Kiểm soát các khoản chi phí trong SXKD bao gồm: Công tác lập kế hoạch và thực hiện, công tác đấu thầu mua sắm, công tác hạch toán kế toán, quản lý và sử dụng vật tư, tình hình đầu tư tài chính của Công ty.

+ Thẩm định báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, BKS thường xuyên thực hiện trao đổi thông qua điện thoại, email... với các nội dung theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của BKS.

2. Thù lao và chi phí hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số người	Mức chi/người/tháng	Tổng tiền/năm	Ghi chú
1	Tiền lương:			494.158	
1.1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	1	41.180	494.158	Bao gồm An toàn điện
2	Thù lao:			157.032	
2.1	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	2	6.543	157.032	
3	Chi phí:			16.800	
3.1	Trưởng BKS chuyên trách (*)	1	800	9.600	
3.2	Thành viên BKS không chuyên trách (**)	2	300	7.200	

(*) Chi theo thực tế (không quá 800.000 đồng/tháng);

(**) Chi khoán là 300.000đ/người/tháng.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2022 của Công ty:

1. Tình hình hoạt động:

1.1. Công tác sản xuất điện:

Trong năm 2022, do nhu cầu huy động của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, sản lượng điện phát của Công ty tương đối thấp, chỉ 168,58 triệu kWh, đạt 39,67% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và đạt 25,06% cùng kỳ năm trước. Kết quả sản xuất trong năm 2022 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	So với KH (%)	Thực hiện năm 2021	So với 2021 (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr. kWh	425	168,58	39,67	672,82	25,06
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tr. kWh	413	163,93	39,66	653,92	25,07
3	Doanh thu	Tr. Đồng	947.036	599.408	63,29	1.334.139	44,93
4	Chi phí	Tr. Đồng	861.146	521.121	60,51	1.184.812	43,98
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	85.890	78.286	91,15	149.328	52,43
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	68.712	70.744	102,96	127.218	55,61
7	Cổ tức dự kiến (%)	%	10	12	120	15	80

Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế chưa đạt so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 31/5/2022 do Công ty là đơn vị dịch vụ phụ trợ, sản lượng điện phát phụ thuộc vào nhu cầu của hệ thống. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế và cổ tức đạt và vượt kế hoạch được giao.

1.2. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng:

Theo Kế hoạch năm 2022, Công ty có 01 công trình Sửa chữa lớn Đại tu sửa chữa hệ thống ACC 306-1, đã hoàn thành và quyết toán với giá trị 28,77 tỷ đồng đạt 97,61% so với giá trị dự toán được duyệt (29,48 tỷ đồng). Ngoài ra Công ty còn thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các tổ máy, thay thế lắp đặt các thiết bị nhằm đảm bảo các Tổ máy sẵn sàng khả dụng.

1.3. Công tác đầu tư mua sắm và đấu thầu:

a. Công tác đầu tư mua sắm:

Năm 2022, Kế hoạch mua sắm và đầu tư nguồn điện mới: 109,25 tỷ đồng (mua đầu tư nguồn điện mới: 60,56 tỷ đồng; mua sắm tài sản: 48,69 tỷ đồng), thực tế thực hiện như sau:

- Đầu tư nguồn điện mới: chưa phát sinh chi phí.

- Mua sắm tài sản: hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2022: 105,93 tỷ đồng bao gồm tài sản thuộc kế hoạch năm 2020, năm 2021; một số tài sản đang thực hiện mua sắm sẽ hoàn thành, tăng tài sản trong năm 2023.

b. Công tác đấu thầu:

- Trong năm 2022, thực hiện **55 gói thầu** (50 gói thầu qua mạng và 05 gói thầu không qua mạng) với tổng giá trị là 100,52 tỷ đồng (*trong đó: 10 gói đấu thầu rộng rãi; 40 gói chào hàng cạnh tranh, 01 gói chỉ định thầu; 04 gói ký HĐ trực tiếp*), tiết kiệm được 9,14 tỷ đồng so với dự toán gói thầu.

Qua kiểm soát, chọn mẫu kiểm tra pháp lý một số gói thầu, nhìn chung Công ty đã thực hiện đúng thẩm quyền, cơ bản thực hiện đúng quy định của Nhà nước, EVN, EVNGENCO3 về đấu thầu.

1.4. Công tác đầu tư tài chính:

a. Đầu tư tài chính dài hạn:

Tình hình đầu tư tài chính dài hạn của Công ty đến 31/12/2022 như sau:

DVT: Tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia	Tỷ lệ LN được chia/VĐT (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Hệ số nợ/Vốn CSH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(3)	(11)	(12)
I	Đầu tư vào công ty liên kết	83,75						12,6			
1	Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	83,75	25	655,40	921,78	400,77	153,66	12,6		1,99	0,65

	Cổ tức bằng tiền mặt							12,6	15,05		
	Cổ tức bằng cổ phiếu (CP)							630.205	7,5		
II	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	273,50						32,10			
1	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	108,73	2	5.000	6.317,55	10.566,59	546,79	8	7,4	2,23	0,30
2	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	114,77	2,30	4.500	6.162,39	10.452,73	764,14	16,56	14,4	2,38	0,31
3	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	50	8,09	618,14	720,77	343,60	131,2	2,5	5,0	2,63	0,91
	Tổng cộng (I + II)	357,25						39,66			

Trong năm 2022, các khoản đầu tư góp vốn của BTP đều có hiệu quả, mang lại cổ tức cho BTP. Công ty nhận cổ tức được chia từ khoản đầu tư góp vốn với số tiền là 39,66 tỷ đồng: trong đó CTCP Thủy điện Buôn Đôn: 12,6 tỷ đồng (tỷ lệ 15%/Vốn đầu tư) và 630.205 cổ phiếu (tỷ lệ 7,5%/vốn đầu tư); CTCP Nhiệt điện Hải Phòng: 8 tỷ đồng (tỷ lệ 7,4%/Vốn đầu tư); CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh: 16,56 tỷ đồng (tỷ lệ 14,4%/Vốn đầu tư) và CTCP Phú Thạnh Mỹ 2,5 tỷ đồng (tỷ lệ 5%/vốn đầu tư).

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- Tiền và các khoản tương đương tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng là 135,3 tỷ đồng với lãi suất 6%/năm (tỷ lệ lãi suất năm 2021 từ 0,2% đến 3% năm); số dư Tiền và các khoản tương đương tiền đến ngày 31/12/2022 tăng so đầu năm là 32,5 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 31,55% (Tại ngày 31/12/2021: 103 tỷ đồng).

- Các khoản tiền gửi ngắn hạn kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng là 249,65 tỷ đồng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 8,2%/năm, (Tại ngày 31/12/2021 từ 4,8%/năm đến 6,4%/năm), số dư các khoản đầu tư ngắn hạn đến ngày 31/12/2022 giảm so đầu năm là 45 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 15,27 % (Tại ngày 31/12/2021: 294,65 tỷ đồng).

- Đầu tư trái phiếu có thời gian đáo hạn 84 tháng kể từ ngày phát hành là 200 tỷ đồng với mức lãi suất áp dụng cho năm 2022 là 8,5% đến 10,4%/năm (Năm 2021 từ 9,1% đến 10,5%/năm). Trong năm 2022 tổ chức phát hành trái phiếu đã mua lại 126 tỷ đồng (bao gồm 118 tỷ đồng trước hạn và 8 tỷ đồng đúng hạn). Đến 31/12/2022 số dư khoản trái phiếu còn lại 66 tỷ đồng.

Tất cả các khoản tiền gửi được gửi tại các ngân hàng trong nước, Công ty đã lập kế hoạch sử dụng và cân đối dòng tiền đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD và ĐTXD. Tuy nhiên Công ty cần lưu ý thực hiện mở hợp đồng tiền gửi phù hợp theo đúng quy định quản lý tài sản và nguồn vốn, đảm bảo đúng phân cấp theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

c. Đầu tư xây dựng:

Trong năm 2022, tiếp tục bám sát các dự án đang triển khai đầu tư một số dự án nguồn điện mới đang trong quá trình nghiên cứu và hiện đang chờ Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia để triển khai thực hiện.

1.5. Công tác nhân sự, tiền lương:

- Tổng số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2022 là 240 người giảm 20 người (nghỉ hưu 08 người, chấm dứt HĐLĐ 15 người, và tuyển dụng mới 03 người) so với thời điểm 31/12/2021.

- Nhân sự Ban Tổng Giám đốc là 02 người, giảm 01 người so với 31/12/2021. Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh nghỉ việc theo nguyện vọng từ 10/6/2022.

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tổ chức 31/5/2022 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 05 thành viên. Cơ cấu thành viên HĐQT phù hợp với Điều lệ Công ty.

- Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2022 của người lao động và người quản lý là 42,8 tỷ đồng (bao gồm cả VHAT); thực hiện trong năm 2022 là 50,02 tỷ đồng (bao gồm cả VHAT), thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và Văn bản 370/GENCO3-TC&NS ngày 20/02/2023.

2. Tình hình tài chính:

Trên cơ sở kiểm tra số liệu Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán Ban Kiểm soát nhận thấy: Báo cáo tài chính được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam); Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý. Các chỉ tiêu tài chính năm 2022 như sau:

2.1. Bảng cân đối kế toán:

Khoản mục	ĐVT	31/12/2022	31/12/2021	Tăng (+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	785.310	969.732	(184.422)	(19,02)
Tài sản dài hạn	Tr.đồng	814.092	939.628	(125.535)	(13,36)
TỔNG TÀI SẢN	Tr.đồng	1.599.402	1.909.360	(309.958)	(16,23)
Nợ phải trả	Tr.đồng	356.420	634.082	(277.662)	(43,79)
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.242.982	1.275.278	(32.296)	(2,53)
TỔNG NGUỒN VỐN	Tr.đồng	1.599.402	1.909.360	(309.958)	(16,23)

Qua số liệu trên cho thấy, tổng tài sản/nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 giảm 309,96 tỷ đồng so đầu năm, tỷ lệ giảm 16,23% chủ yếu do: giảm các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng 193,84 tỷ đồng (chủ yếu là khoản phải thu tiền điện với Công ty Mua bán điện) và giảm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 126 tỷ đồng. Đồng thời giảm nguồn vốn do giảm các khoản phải trả người bán 220,25 tỷ đồng (chủ yếu phải trả nhà cung cấp nhiên liệu khí) và giảm khoản nợ vay 57,41 tỷ đồng.

2.2. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2021
1	Cơ cấu tài sản	%		
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản		49,10	50,79
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản		50,90	49,21

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2021
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn		22,28	33,21
	Nguồn VCSH/tổng nguồn vốn		77,72	66,79
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	Khả năng thanh toán tổng quát		4,49	3,01
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		4,91	2,55
	Khả năng thanh toán nhanh		2,47	1,07
4	Hiệu quả sử dụng vốn			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,06	9,97
	Lợi nhuận sau thuế/tổng TS (ROA)	%	4,03	7,03
	Lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	%	5,62	10,18
5	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	0,97	1,04

- **Các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản:** Cơ cấu tài sản năm 2022 thay đổi không đáng kể, chỉ tiêu tài sản ngắn hạn/tổng tài sản giảm nhẹ từ 50,79% xuống 49,1%.

- **Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn:** Nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm từ 33,21% lên 22,28%, chủ yếu là do: giảm các khoản phải trả người bán 215,35 tỷ đồng chủ yếu phải trả nhà cung cấp nhiên liệu khí. Đồng thời vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn tăng từ 66,79% lên 77,72% cho thấy Công ty bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, luôn tự chủ về mặt tài chính.

- **Các chỉ tiêu thanh toán:** các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty cao hơn năm 2021 và đều lớn hơn 2, cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty là rất khả quan, đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- **Hệ số bảo toàn vốn:** Với hệ số bảo toàn vốn ở thời điểm 31/12/2022 là 0,97 lần, giảm 0,07 lần so với năm 2021 do lợi nhuận năm 2022 thấp hơn năm 2021 và năm 2022 Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 31/5/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Tình hình sản xuất kinh doanh có lãi, công ty đã bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông.

- **Vòng quay hàng tồn kho:** đạt 4,06 vòng giảm 5,92 vòng so với năm trước (năm 2021 là 9,97 vòng), do giá vốn hàng bán giảm 664,90 tỷ đồng so với năm 2021 (GVHB năm 2021 là: 1.145,62 tỷ đồng) do sản lượng điện phát năm 2022 thấp hơn năm 2021.

- **Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)** tại thời điểm 31/12/2022 đều giảm so với thời điểm 31/12/2021, do lợi nhuận năm 2022 giảm so với năm 2021.

III. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) và tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ:

1. Hoạt động quản trị Công ty của HĐQT:

- Tại Đại hội đồng thường niên năm 2022 tổ chức ngày 31/5/2022, ĐHĐCĐ đã bầu các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 05 thành viên. Với cơ cấu

hiện tại thì HĐQT phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ, phát hành 29 phiếu lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 33 Nghị quyết để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ theo phương hướng ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD trong việc thực thi các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành nhằm đưa ra các giải pháp giúp Công ty ngày càng phát triển.

2. Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2022, Ban TGD đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành; đảm bảo sản xuất kinh doanh có lãi; luôn sâu sát, kịp thời trong khâu vận hành, sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị; Triển khai đầu tư các nguồn điện mới. Với tinh thần khản trương đưa tổ máy vào vận hành, tăng hệ số khả dụng, tăng doanh thu và lợi nhuận nhưng đảm bảo an toàn. Kết quả là không để xảy ra sự cố lớn trong vận hành, các tổ máy luôn đáp ứng theo yêu cầu của hệ thống.

3. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông, trích lập các quỹ, chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 thực hiện theo đúng Nghị quyết 715/NQ-NĐBR thông qua ngày 31/5/2022.

- HĐQT và TGD đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, toàn thể người lao động trong Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao, lợi nhuận sau thuế đạt 70,74 tỷ đồng, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

IV. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và cổ đông:

- HĐQT Công ty, Ban TGD đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Ban kiểm soát theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, phối hợp từ HĐQT, Ban TGD và các phòng ban, phân xưởng trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Trong năm Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông liên quan đến hoạt động của Công ty và điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

V. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

- Báo cáo tài chính năm 2022 bao gồm Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Hệ thống chứng từ, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu giữ theo đúng quy định.

- Các BCTC năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết. Ý kiến của kiểm toán viên, BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 và không có ý kiến ngoại trừ.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan với thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Tại báo cáo số 767/BC-NĐBR ngày 29/7/2022 Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2022 và báo cáo số 84/BC-NĐBR ngày 30/01/2023 Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM được công bố trên trang web Công ty, Công ty không có các giao dịch nêu trên.

- Qua rà soát trên báo cáo kiểm toán của Công ty, trên sàn giao dịch TP HCM, trên các trang thông tin về thị trường chứng khoán, kết quả không có giao dịch nêu trên.

VII. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

Qua kết quả kiểm soát tình hình hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- HĐQT và Ban TGD Công ty đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định của Tổng Công ty Phát điện 3 và các quy định của Pháp luật.

- Công ty đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.... Công ty kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn và gia tăng lợi ích cho cổ đông.

2. Kiến nghị:

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm soát kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, BKS kiến nghị Công ty:

a. Về nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023

- Công ty cần xây dựng các giải pháp cụ thể để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ năm 2023 và các chỉ tiêu về hiệu quả SXKD. Tiếp tục có giải pháp đảm bảo nguồn nhiên liệu khí phục vụ sản xuất điện các năm tiếp theo;

- Phân đầu tiết giảm chi phí, để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận và tỷ lệ Cổ tức được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

b. Về công tác ĐTXD

Tiếp tục bám sát các cấp có thẩm quyền để tiếp tục triển khai bổ sung quy hoạch điện Quốc gia các dự án. Đánh giá tính khả thi của các dự án, xem xét khả năng tiếp tục/dừng dự án.

c. Về công tác sửa chữa

Thường xuyên/định kỳ kiểm tra, theo dõi, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị để đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện Quốc gia.

d. Về công tác đầu tư tài chính

- Đối với tiền gửi có kỳ hạn: Rà soát và thực hiện mở hợp đồng tiền gửi phù hợp theo đúng quy định và phân cấp, đảm bảo hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư tài chính dài hạn: Tăng cường công tác kiểm soát để bảo toàn và phát triển vốn góp của Công ty tại các đơn vị. Đối với một số đơn vị có hiệu quả đầu tư thấp, kiến nghị Công ty tăng cường kiểm soát, người đại diện có ý kiến đề xuất phương án SXKD đảm bảo có lãi, chia cổ tức cho cổ đông hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét đề xuất thoái vốn tại các công ty không chi trả cổ tức/chi trả cổ tức thấp trong nhiều năm.

e. Về công tác đấu thầu mua sắm.

- Các quy định trong HSMT, HSYC cần phù hợp hơn với quy định của Luật đấu thầu, Văn bản hướng dẫn thi hành cũng như phạm vi, quy mô, tính chất của gói thầu nhằm lựa chọn được nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT, HSYC đồng thời tạo môi trường lành mạnh cũng như điều kiện thuận lợi cho nhiều nhà thầu tham dự thầu, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế trong đấu thầu. Tránh đưa ra các yêu cầu quá mức cần thiết để thực hiện gói thầu và cao hơn mức yêu cầu của gói thầu dẫn đến hạn chế nhà thầu.

- Các tiêu chí liên quan đến đánh giá HSDT/HSDX, Bên mời thầu cần quy định cụ thể, rõ ràng giúp thuận tiện cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị HSDT/HSDX phù hợp theo yêu cầu, cũng như để tổ chuyên gia thuận tiện trong quá trình đánh giá HSDT/HSDX, hiểu đúng, đủ nội dung quy định của bên mời thầu.

- Duy trì việc cập nhật các quy định liên quan đến công tác đấu thầu, tăng cường công tác đào tạo cán bộ thực hiện công việc liên quan đến công tác đấu thầu như lập HSMT, HSYC, đánh giá HSDT/HSDX. Khắc phục các kiến nghị của BKS tại biên bản số 131/BB-NĐBR ngày 21/01/2022 và biên bản số 1081/BB-NĐBR ngày 31/8/2022.

f. Về công tác tài chính kế toán

- Rà soát điều chỉnh các chứng từ thanh toán đảm bảo đủ điều kiện khấu trừ thuế tránh rủi ro về thuế đối với các chứng từ thanh toán bằng tiền mặt. Kiểm tra chặt chẽ hồ sơ chứng từ đầy đủ trước khi thanh toán cho nhà cung cấp.

- Đối với khoản lợi nhuận chưa phân phối do lãi từ chênh lệch tỷ giá: Tiếp tục rà soát và đẩy nhanh làm việc với các Cơ quan chức năng để xử lý lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

- Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thẩm định các báo cáo: Báo cáo quỹ tiền lương hàng năm, báo cáo tài chính 6 tháng, năm và các báo cáo khác theo quy định.

- Đề xuất lựa chọn/giám sát công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty.

- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc:

+ Triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Tuân thủ chế độ chính sách pháp luật của nhà nước, Luật Doanh nghiệp và điều lệ, quy chế, quy định của Công ty trong quản trị điều hành.

+ Tình hình thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa lớn, công tác mua sắm tài sản cố định, vật tư thiết bị, đầu tư xây dựng.

+ Triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa và đầu tư.

+ Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

+ Và các công tác khác liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông/BTP;
- Chủ tịch HĐQT/EVNGENCO3 (để b/c);
- Ban KTGS/EVNGENCO3 (để b/c);
- HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- BKS/BTP;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thị Thùy Linh

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP);

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 13/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của CTCP Nhiệt điện Bà Rịa,

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị BTP phê duyệt Công ty kiểm toán năm 2023 trên cơ sở kết quả đấu thầu tập trung của chủ sở hữu chi phối Tổng Công ty Phát điện 3.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ năm 2023;
- HĐQT, Ban TGD/BTP;
- Thư ký/BTP;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thị Thùy Linh

Bà Rịa, ngày 27 tháng 3 năm 2023

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
NHIỆM KỲ 2022 - 2027
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP).

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của BTP được chốt tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng (14/3/2023) và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp ĐHĐCD đều được nhận một Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, trên phiếu có ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu cử.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban bầu cử và Kiểm phiếu, Đoàn chủ tịch.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông, đại diện cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp ĐHĐCD, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.



CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

NHIỆM KỲ 2022 - 2027

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 01 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 6 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các quy định khác liên quan.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

a. Từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

b. Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c. Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

d. Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

e. Từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

f. Từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

g. Từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

h. Từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT bao gồm:

- a. Đơn ứng cử hoặc đơn đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT;
- b. Sơ yếu lý lịch của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu, có dán ảnh;
- c. Bản sao hợp lệ: CMND/CCCD/.../Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn); Bằng cấp, văn bằng chứng chỉ đã kê khai trong Sơ yếu lý lịch;
- d. Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền).

- Địa chỉ: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

- Fax: +84 643 825 985

3. Trường hợp hồ sơ gửi là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước khi Đại hội bắt đầu.

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2022 - 2027

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông/ nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để đưa vào danh sách để bầu vào thành viên HĐQT.

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; số cổ phần sở hữu/ hoặc đại diện, số phiếu biểu quyết, có đóng dấu treo của BTP.

3. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT.

4. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

5. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân viên số thành viên được bầu).

6. Phương thức bầu cử

Ví dụ:

- Một cổ đông sở hữu 10.000 cổ phần, thì sẽ được nhận lá phiếu 10.000 cổ phần.

- Số thành viên HĐQT được bầu là 02 người thì tổng số phiếu bầu của lá phiếu là $10.000 \times 2 = 20.000$ phiếu;

- Cách bầu đối với lá phiếu 10.000 cổ phần như sau:

TT	Ứng viên	Số phiếu bầu		
		Cách 1 (bầu đều cho 2 người)	Cách 2 (bầu hết cho 1 người)	Cách 3 (bầu theo tỷ lệ khác)
1.	Ông Nguyễn Văn A	10.000	20.000	5.000
2.	Ông Nguyễn Văn B	10.000		15.000
	Tổng số phiếu bầu	20.000	20.000	20.000

Điều 8. Tổ chức và giám sát bầu cử

1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Bầu cử và Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này.

b. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và các thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.

c. Thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT hoặc người có liên quan theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 của người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

2. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải đảm bảo tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử

3. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, danh sách ứng viên bầu HĐQT, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu.

b. Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT.

c. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.

d. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Đoàn chủ tịch và Ban thư ký.

e. Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử thành viên HĐQT trước Đại hội.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

a. Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành, có dấu treo của BTP; tổng số cổ phần sở hữu/ được ủy quyền đại diện, tổng số quyền biểu quyết.

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên HĐQT (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.

c. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền khi được phát Phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Bầu cử và Kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu khác.

d. Phiếu bầu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

- Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần được bầu đã được Đại hội thông qua.

- Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

- Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản e Điều này.

e. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, không có dấu treo của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp **viết sai** phải **đổi lại phiếu mới**).

- Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền).

0136
CÔNG TY
HẠN
DIỆN
BÀ RI
ĐIỆN

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền không ký tên và ghi rõ họ tên trên Phiếu bầu.

- Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

- Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu.

2. Cách ghi phiếu bầu

a. Cổ đông/ đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu.

b. Khi bầu cử, cổ đông ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên mà mình lựa chọn bầu, ***ứng cử viên mình không lựa chọn bầu thì cổ đông viết số không (0) vào cột “Số phiếu bầu” trong Phiếu bầu.***

c. Tổng số phiếu biểu quyết bầu cho các ứng cử viên không được lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu và đại diện sở hữu. Trường hợp do nhầm lẫn thì cổ đông báo cáo Ban Bầu cử và Kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu bầu.

d. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Bầu cử và Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

e. Cổ đông/ đại diện ủy quyền phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận tham gia bầu cử.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

2. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban Bầu cử và Kiểm phiếu giám sát.

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban Bầu cử và Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên Phiếu bầu.

Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đã biểu quyết.

2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cùng bằng nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của BTP thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau để lựa chọn.

3. Nếu bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.

4. Trường hợp sau khi bầu lần 2 mà vẫn chưa đủ số thành viên thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc để khuyết thành viên HĐQT và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Đoàn chủ tịch.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.

2. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:

- a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu.
- b. Thành phần Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.
- c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu.
- d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ; kết quả bầu cử và danh sách thành viên HĐQT, BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp.
- e. Chữ ký của thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Quyền chất vấn

Các cổ đông/ đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Đoàn chủ tịch và Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông/ đại diện cổ đông và được ghi vào Biên bản họp Đại hội.

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 20/3/2023 của Tổng Công ty Phát điện 3 về việc cử Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Phát điện 3 tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ đề cử của cổ đông là tổ chức của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, đại diện của Tổng Công ty Phát điện 3 sở hữu 79,56% vốn Điều lệ.

Trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Hoàng Văn Phong với lý do cá nhân, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 đối với Ông Hoàng Văn Phong (Đơn từ nhiệm đính kèm).

2. Bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Trên cơ sở đề cử của cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 20/3/2023: Ông Châu Thiên Minh Trí, Trưởng ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Tổng Công ty Phát điện 3 làm người đại diện 25% vốn góp của Tổng Công ty Phát điện 3 tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, ứng cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách nhiệm kỳ 2022 - 2027.

(Đính kèm Đơn ứng cử và Sơ yếu lý lịch của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị BTP nhiệm kỳ 2022 - 2027).

Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa sau khi bầu gồm có: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, 04 thành viên Hội đồng quản trị (trong đó có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên không chuyên trách).

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Trân trọng./. ↘

Đính kèm:

- Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT;
- Sơ yếu lý lịch ứng cử thành viên HĐQT;
- Đơn ứng cử TV HĐQT.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;
 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN BÀ RI
CÔNG VĂN ĐẾN

Số: **354**
Ngày: **10/04/2023**

Tôi tên là: Hoàng Văn Phong

Sinh ngày: 12/8/1965

Số CCCD: 036065003965

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP). Nay tôi làm đơn này gửi đến Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa để xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị BTP, kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của BTP.

Lý do: Tập trung vào công việc chuyên môn.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị xem xét thông qua đơn từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hải Dương, ngày 06 tháng 04 năm 2023
NGƯỜI LÀM ĐƠN



Hoàng Văn Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Nhiệm kỳ 2022 - 2027

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Tôi tên là: **Châu Thiên Minh Trí**

CCCD số: 086070000219, Ngày cấp: 22/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Địa chỉ thường trú: số 41 đường 3052 Phạm Thế Hiển, P7, Q8, TP.HCM

Trình độ học vấn: Thạc sỹ, Chuyên ngành: QTKD

Hiện đang sở hữu: 0,0 Cổ phần BTP

(Bằng chữ: không)

Sau khi xem xét các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Điều lệ Công ty. Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa cho tôi được ứng cử vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để bầu chức danh trên.

Tôi xin cam kết:

- Những nội dung trong đơn này là hoàn toàn chính xác, tự nguyện, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

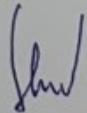
- Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Bà Rịa, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)


Châu Thiên Minh Trí



SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG VIÊN THAM GIA HĐQT- BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
NHIỆM KỲ 2022 - 2027



(Dùng cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng)

Họ và tên	Châu Thiên Minh Trí
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/01/1970
Nơi sinh	Tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	An Thạnh – Phú Đức – Huyện Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long
Số CMND	086070000219 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021.
Địa chỉ thường trú	Số 41 đường 3052 Phạm Thế Hiển, P7, Q8, TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan	
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD, Cử nhân kinh tế.
Quá trình công tác	- 10/1996 - 3/1997: Nhân viên kế toán - Ban QLDA các NMD Phú Mỹ - BR; - 4/1997 - 8/1998: Nhân viên kế toán - Nhà máy điện Phú Mỹ; - 9/1998 - 4/1999: Trợ lý TP. Kế toán Nhà máy điện Phú Mỹ; - 1/5/1999 - 5/2007: Phó trưởng phòng KT-TC Nhà máy điện Phú Mỹ; - 5/2007 - 12/2012: Trưởng phòng Tổng hợp, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;

	- Tháng 01/2013 - 10/2018: Trưởng Ban ĐT-XD, Tổng Công ty Phát điện 3; - Tháng 10/2018 đến nay: Trưởng Ban QLĐTXD, Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP; - Từ 03/08/2020 đến năm 2021: Thành viên, Tổ công tác hỗ trợ thử nghiệm, phát điện các tổ máy Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, Tổng công ty phát điện 3. - Từ 30/4/2021 đến tháng 4/2023 làm người đại diện, Phó CT HĐQT tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sesan 3A.		
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Không			
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban QLĐTXD, Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP			
Hành vi vi phạm pháp luật: Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không			
Số cổ phiếu nắm giữ tại tổ chức phát hành: 12.030.889 CP			
Trong đó: - Sở hữu: 0 - Đại diện sở hữu: 12.030.889 CP			
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của BTP			
Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ	Chiếm tỷ lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không			
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Bà Rịa, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền



Nguyễn Thanh Trùng Dương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Người khai

[Signature]
Thân Thiện Minh Trí

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Bà Rịa, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Biên bản số xxx/BB-NĐBR ngày 18/4/2023 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa diễn ra ngày 18/4/2023 đã biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.

1.1. Kết quả SXKD năm 2022

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % so với KH
A	TỔNG DOANH THU	947.036	599.408	63,3
1	Sản xuất kinh doanh điện	883.676	511.234	57,9
2	Kinh doanh khác	59.699	85.635	143,4
3	Hoạt động tài chính	3.661	2.539	69,4
B	TỔNG CHI PHÍ	861.147	521.121	60,5
1	Sản xuất kinh doanh điện	848.076	512.838	60,5
2	Kinh doanh khác	9.832	6.301	64,1
3	Hoạt động tài chính	3.238	1.983	61,2
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	85.890	78.286	91,1
1	Sản xuất kinh doanh điện	35.600	-1.604	
2	Kinh doanh khác	49.867	79.334	159,1
3	Hoạt động tài chính	423	556	131,5
D	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	68.712	70.744	103,0

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Điện sản xuất	Triệu kWh	170,00
2	Điện thương phẩm	Triệu kWh	165,30
3	Doanh thu	Triệu đồng	569.012
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	516.732
5	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu đồng	52.280
6	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu đồng	47.332
7	Cổ tức	%	6

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ của HĐQT năm 2023.

3. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận thực hiện 2022	78.286.396.188
2	Thuế TNDN phải nộp	7.542.125.981
3	Thuế TNDN hoãn lại	
4	Lợi nhuận sau thuế	70.744.270.207
5	Phân phối lợi nhuận	83.789.910.500
5.1	Cổ tức 12% (Trong đó: 10% từ LN năm 2022, 2% LN các năm trước)	72.582.720.000
5.2	Trích quỹ đầu tư phát triển	-
5.3	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	305.020.500
5.4	Trích quỹ khen thưởng & phúc lợi	10.902.170.000
	Trong đó:	
	- Quỹ khen thưởng (30%)	3.270.651.000
	- Quỹ phúc lợi (70%)	7.631.519.000
6	Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm	604.856.000.000

* Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian để chi trả cổ tức năm 2022 theo quy định.

5. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý của Công ty chi tiết theo Tờ trình số 620/TTr-NĐBR ngày 27/3/2023, trong đó:

- Kết quả thực hiện tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2022 là 1.996,56 triệu đồng

- Kế hoạch thực hiện tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 là 1.751,51 triệu đồng.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

7. Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

8. Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt công ty kiểm toán trên cơ sở kết quả đấu thầu tập trung của Tổng Công ty Phát điện 3.

9. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị năm 2023 như sau:

9.1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Hoàng Văn Phong

9.2. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Ông Châu Thiên Minh Trí

Điều 2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành Biên bản, Nghị quyết, Quyết định, rà soát sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan và các văn bản khác về các nội dung đã được Đại hội thông qua.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 19/4/2023. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cổ đông/BTP;
- TCKT/BTP (cbtt);
- Website BTP;
- Lưu: VT, TCKT (03), TK (2).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Tiến Dũng

Bà Rịa, ngày 23 tháng 3 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Thời gian: 8h00 ngày 18/4/2023

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Thời gian	Nội dung
8h00 - 8h30	- Đăng ký tham dự Đại hội - Phát tài liệu, phiếu biểu quyết
8h30 - 9h00	- Khai mạc Đại hội - Giới thiệu đại biểu
	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
	- Giới thiệu Chủ tọa Đại hội, Ban Thư ký Đại hội - Thông qua chương trình, Quy định làm việc; Thê lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội - Giới thiệu Ban Kiểm phiếu
9g00-10g00	- Tờ trình về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023.
	- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 (kết thúc ngày 31/12/2022).
	- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.
	- Tờ trình thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
	- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ của BTP
	- Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị BTP.
	- Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.
	- Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 - Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
10g00-10g45	Thảo luận và giải đáp các ý kiến của cổ đông
	Bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung
	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT
10g45-11g00	Nghỉ giải lao

11g00-11g15	Công bố kết quả kiểm phiếu và kết quả bầu bổ sung TV.HĐQT.
11g15-11g45	Phát biểu của Đại diện Cổ đông lớn - EVNGENCO3
11g45-12g00	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội
	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết của Đại hội
	Bế mạc Đại hội.

(Ghi chú: Nội dung chương trình Đại hội có thể thay đổi và sẽ được thông qua tại Đại hội)

Số: /BC-NĐBR

Bà Rịa, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị BTP năm 2022

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP), Quy chế nội bộ về quản trị BTP và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị BTP; Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT BTP năm 2022 như sau:

1. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2022

- HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và phát hành 34 phiếu lấy ý kiến, ban hành 36 Nghị quyết và ra 73 Quyết định để giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền. HĐQT đã định hướng, chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- Các phiên họp được tổ chức định kỳ hàng quý, các Nghị quyết, quyết định được ban hành theo hình thức biểu quyết tại phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo phân cấp.
- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Đã phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên HĐQT, tách bạch giữa quản lý của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc với nguyên tắc không can thiệp sâu vào công việc điều hành.
- HĐQT đã giám sát, chỉ đạo linh hoạt các hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể hóa triển khai các công việc theo nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cho cổ đông.

2. Kết quả chính đạt được

Năm 2022, các tổ máy ít được huy động nên sản lượng điện sản xuất thấp hơn so với kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Cụ thể kết quả SXKD năm 2022 như sau:

- Sản lượng điện sản xuất là 168,58 triệu kWh đạt 39,67% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu là 599,41 tỷ đồng đạt 63,3% so với kế hoạch.
- Tổng chi phí là 521,12 tỷ đồng đạt 60,50% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 78,29 tỷ đồng đạt 91,10% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế là 70,74 tỷ đồng đạt 103,00% so với kế hoạch.

- Cổ tức dự kiến: 12%, trong đó 10% từ lợi nhuận năm 2022 và 2% từ lợi nhuận của các năm trước.
- Tiếp tục theo dõi 3 dự án đang triển khai là: Dự án Nhà máy điện gió Tiên Thành 3; Dự án Nhà máy điện gió Bà Rịa – Buôn Hồ; Dự án Nhà máy Nhiệt điện khí Bà Rịa II (Nhà máy điện Bà Rịa mở rộng), hiện tất cả các dự án đang trong thời gian chờ thủ tục pháp lý để thực hiện các bước tiếp theo.
- Bên cạnh đó, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tìm hiểu, nghiên cứu thêm một số dự án với mục đích đầu tư vốn để sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn như tìm hiểu Dự án Nhà máy Thủy điện Tân Thượng tại tỉnh Lâm Đồng và nghiên cứu thay thế hai tổ máy GT1 và GT2 của Công ty bằng một tổ máy khác hiệu quả hơn.
- Tình hình sản xuất kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư trong năm 2022 đều có lãi. Cổ tức nhận được năm 2022 là 39.660 triệu đồng tiền mặt và 630.205 cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Công ty Thường xuyên phân tích đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư. Duy trì việc đầu tư tại các Công ty kinh doanh có hiệu quả.
- Giải quyết được nhiều công việc trọng tâm như: Rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy chế quản lý nội bộ;

3. Đánh giá

- HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động;
- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành trên cơ sở thống nhất cao của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT hoặc theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều tuân thủ các quy định liên quan, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, mục tiêu, định hướng phát triển và thực tiễn hoạt động của BTP;
- HĐQT và Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy định và phân cấp, không chồng chéo, đồng thời luôn phối hợp, hỗ trợ kịp thời trong triển khai các hoạt động và giải quyết các phát sinh góp phần tạo điều kiện để BTP kiểm soát và thực hiện tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 trong điều kiện có nhiều khó khăn, bảo vệ quyền và các lợi ích hợp pháp của các cổ đông;
- HĐQT thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo quy định đối với các hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao;
- Các Thành viên HĐQT đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ một cách cẩn trọng theo đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị BTP; hợp tác có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công;

- Đánh giá tổng thể: Trong năm 2022, HĐQT BTP đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BTP, Quy chế hoạt động của HĐQT BTP và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị của công ty niêm yết.

Trên đây là báo cáo đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT BTP năm 2022, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị/BTP;
- Ban Kiểm soát/BTP;
- Lưu: TK.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**

Trần Lê Minh